TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;
2. Bà Trương Thị Thìn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Tấn Nhứt - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 1604/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2020/QĐXX-ST ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Ngọc H, sinh năm 1983;

Địa chỉ thường trú: Tổ 50, Khu phố A, đường Nguyễn Văn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: Tổ 50, Khu phố B, đường Nguyễn Văn Th, phường T, thành phố C, tỉnh Đ.

Địa chỉ cư trú: Tổ 14, Khu phố X, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Vũ Ngọc H trình bày:

Bà và ông Lê Văn T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2005 ngày 11/01/2005. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn do ông T ghen tuông, chửi bới đánh đập bà. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải và được gia dình hai bên khuyên bảo nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Lê Minh Th, sinh ngày 23/10/2006 và Lê Minh Th1, sinh ngày 08/4/2015. Bà H xin nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, con chung: Bà H xác định không có.

Do bận công việc nên Bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến làm việc nên không có lời trình bày:

Ngoài các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Ông T không đến Tòa án làm việc dù đã được tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ. Thực tế Bà H và ông T đã ly thân và Bà H sống cùng 02 con chung. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H đối với ông T, giao các con chung của ông T, Bà H cho Bà H nuôi dưỡng, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông T vì Bà H không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T vắng mặt nên giành quyền khởi kiện một vụ án khác cho ông T nếu có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Vũ Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Văn T và xin nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn T có địa chỉ cư trú tại phường T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của Bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3].Về thủ tục tố tụng khác: Bà Vũ Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Bà Vũ Ngọc H và ông Lê Văn T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2005 ngày 11/01/2005. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của Bà H và ông T là hợp pháp.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 8 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường T xác định không biết mâu thuẫn của Bà H và ông T vì các đương sự không trình báo nhưng hiện nay ông, bà sống ly thân. Phía ông T không có lời khai nhưng xét thực tế ông T và Bà H hiện nay sống ly thân, hai bên không quan tâm yêu thương nhau, các con chung sống cùng Bà H và cả hai không hòa giải đoàn tụ được.

Như vậy, mâu thuẫn giữa Bà H và ông T trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Ngọc H đối với ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà H khai giữa bà và ông T có 02 con chung là Lê Minh Th, sinh ngày 23/10/2006 và Lê Minh Th1, sinh ngày 08/4/2015. Hiện nay các cháu Th, Th1 đang do Bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th có lời khai xin được ở với mẹ. Do đó, xét nên giao các con chung cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của ông T.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, ông T không có lời khai về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này ông T có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Ngọc H ông Lê Văn T.

Cho bà Vũ Ngọc H được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung của Bà H và ông T là Lê Minh Th, sinh ngày 23/10/2006 và Lê Minh Th1, sinh ngày 08/4/2015 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H, ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Ngọc H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Bà H đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009621 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Vũ Ngọc H, ông Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Huệ